

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2018/HS-PT

Ngày: 11-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Việt Tiên.

Bà Phạm Uyên Thy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2018/TLPT-HS ngày 23/01/2018 đối với bị cáo Trần Thị Thu L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 169/2017/HSST ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Thu L; giới tính: nữ; sinh ngày: 06/11/1997 tại: Bình Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã TN, Thành phố PT, tỉnh Bình Thuận; tạm trú: 556 Đ, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: phục vụ nhà hàng; trình độ văn hóa: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Văn C và bà Phan Thị Quốc V; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 20/12/2016 (có mặt).

Những có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lương Gia H. Sinh năm: 1992

Thường trú: 53 T, thị xã K, tỉnh Long An.

Tạm trú: 202/23 C, phường G, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Lê Hoàng S. Sinh năm: 1992

Thường trú: 123 V, phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 22/31/22 đường 21, Phường T, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Ông Đoàn Hữu N. Sinh năm: 1992

Thường trú: 49/12B T, Phường M, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 380/12 C, Phường N, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Bảo Y. Sinh năm: 1995

Thường trú: Thôn Đ, xã TH, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Minh N. Sinh năm: 1998

Thường trú: Thôn Đ, xã TT, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Phương N. Sinh năm: 1989

Thường trú: Lô 2 J1 Đ, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tạm trú: 380/12 C, Phường N, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

7. Ông Ngô Hoàng Minh K. Sinh năm: 1994

Thường trú: 19/2/13 L, phường K, Thành phố PR, tỉnh Bình Thuận.

Tạm trú: 441/17 N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bào chữa:

Ông Lê Văn Đặng – Luật sư Văn phòng luật sư Diệu Phước thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 00 ngày 20/12/2016, tại phòng số 4.01 lầu 4 nhà số 556 Đ, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, công an kiểm tra hành chính phát hiện trong phòng có các đối tượng: Trần Thị Thu L, Ngô Hoàng Minh K, Đoàn Hữu N, Lương Gia H, Nguyễn Thị Phương N, Nguyễn Lê Hoàng S, Nguyễn Thị Minh N và Nguyễn Thị Bảo Y đang cùng nhau sử dụng ma túy, thu giữ trên nóc tủ lạnh 04 gói nylon bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng, 39 viên nén hình tròn màu xanh dương, 05 viên nén màu đỏ. Qua giám định là Ketamine và MAMD có tổng khối lượng là 26,2510 gram.

Quá trình điều tra, L khai nhận căn phòng trên do L trực tiếp đứng ra thuê để ở cùng với Nguyễn Thị Bảo Y, số ma túy thu giữ của L mua từ đối tượng tên T không rõ lai lịch với giá 20.000.000 đồng tại đường Đ, Quận B để sử dụng cùng bạn bè.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 02/6/2017 và 13/9/2017, L khai trong lúc đi ăn cùng bạn trai là Nguyễn Lê Hoàng S và Nguyễn Thị Minh N thì Nguyễn Thị Bảo Y là bạn cùng phòng trọ có gọi điện cho S hỏi ma túy cất ở

đầu để Y lấy đưa cho bạn Y là K, H, N và N sử dụng vì hôm nay là sinh nhật Y. Khi cả ba về đến phòng thì thấy Y cùng nhóm bạn đang sử dụng ma túy, lúc này Y đưa ma túy cho bị cáo cùng S, N sử dụng tiếp thì bị kiểm tra bắt giữ. Lúc này, S có nói với bị cáo “Hãy nhận tội hết về mình, ở ngoài anh sẽ lo cho em”. Do tin tưởng S nên quá trình điều tra bị cáo tự bịa ra người bán ma túy cho mình, sau đó bị cáo có nhiều lần xin được thay đổi lời khai nhưng điều tra viên và kiểm sát viên không đồng ý.

Ngô Hoàng Minh K, Đoàn Hữu N, Lương Gia H và Nguyễn Thị Phương N xác nhận số ma túy sử dụng do Y đưa, nguồn gốc do L đưa cho Y, L lấy ma túy từ đâu thì N và N không để ý, riêng H và K xác nhận ma túy L lấy từ đầu tủ lạnh.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/12/2017, Trần Thị Thu L giữ nguyên lời khai như trên. Lương Gia H xác nhận lời khai tại cơ quan điều tra là đúng sự thật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 169/2017/HSST ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân Quận 10 đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm m khoản 2, 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

+ Xử phạt bị cáo: Trần Thị Thu L 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2016. Phạt bổ sung bị cáo L 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

Ngày 18/12/2017, bị cáo kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận tối ngày 19/12/2016 bị cáo cùng S, N đi ăn đến khoảng 12 giờ khuya thì nghe Y điện thoại cho S hỏi chỗ cất ma túy để Y lấy cho bạn Y sử dụng nhân dịp sinh nhật của Y. Khoảng 02 giờ ngày 20/12/2016 cả ba quay về phòng trọ của bị cáo và Y, tại đây S lấy ma túy từ trong túi sau để mọi người cùng sử dụng. Khi công an phát hiện bắt giữ, S nói với bị cáo “hãy nhận tội hết về mình, ở ngoài S sẽ lo”, vì là người yêu của S nên bị cáo đã nhận tội thay S. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm kết luận cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội.

Tuy nhiên, căn cứ lời khai của bị cáo và những người liên quan, xác định ngoài hành vi tàng trữ ma túy bị cáo còn nhiều lần tổ chức cho những người khác cùng bản thân sử dụng chất ma túy tại nhà trọ số 556 Đ, Phường M, Quận M do chính bị cáo đứng tên thuê nhà. Hành vi của bị cáo có dấu của tội phạm khác được quy định tại Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, hành vi của Nguyễn Thị Bảo Y cũng cần điều tra làm rõ và xem xét trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Xét thấy, việc điều tra truy tố cấp sơ thẩm chưa đầy đủ, có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội và người phạm tội. Do đó đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ý kiến: Thống nhất quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm và đình chỉ xét xử đối với bị cáo bởi lẽ:

- Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo làm căn cứ duy nhất để kết tội bị cáo là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự. Mặt khác, các đối tượng K, N, H và N đã xác nhận Y là người đưa ma túy cho họ sử dụng nhưng không bị xem xét xử lý hình sự là bỏ lọt người, lọt tội.

- Đối với số ma túy bị thu giữ, không có căn cứ xác định là của bị cáo L bởi lẽ K, N, H và N đều là bạn của Y, được Y mời tới dự sinh nhật mình. Trong khi bị cáo chỉ là người làm thuê thì không thể bỏ ra số ma túy với trị giá gần 20.000.000 đồng để chiêu đãi bạn của Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/12/2017 bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung vụ án, xác định khoảng 4 giờ ngày 20/12/2016, công an Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra hành chính phát hiện tại phòng số 4.01 lầu 4 nhà số 556 Đ có các đối tượng Trần Thị Thu L, Ngô Hoàng Minh K, Đoàn Hữu N, Lương Gia H, Nguyễn Thị Phương N, Nguyễn Lê Hoàng S, Nguyễn Thị Minh N và Nguyễn Thị Bảo Y đang cùng nhau sử dụng ma túy. Thu giữ trên nóc tủ lạnh trong phòng 04 gói nylon bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng, 39 viên nén hình tròn màu xanh dương có ký hiệu VL và 01 gói nylon chứa 05 viên nén hình tròn màu đỏ có khắc hình con thỏ, qua giám định là Ketamine và MAMD có tổng khối lượng là 26,2510 gram.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang bị cáo Trần Thị Thu L khai nhận số ma túy tổng hợp trên là của bị cáo mua sử dụng. Xuyên suốt quá trình điều tra cũng như khi được tổng đạt Kết luận điều tra và Bản cáo trạng bị cáo

vẫn giữ nguyên lời khai và không có ý kiến gì khác, thậm chí bị cáo còn tự mình ghi ý kiến “*đúng hành vi phạm tội của tôi*”.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai số ma túy nói trên của Nguyễn Lê Hoàng S là bạn trai của bị cáo vì trước đó khi bị cáo cùng S và Nguyễn Thị Minh N đi ăn tối thì Nguyễn Thị Bảo Y có gọi điện cho S hỏi ma túy cất ở đâu để Y lấy cùng nhóm bạn sử dụng và khi về đến phòng trọ S là người đưa ma túy để bị cáo cùng mọi người trong phòng tiếp tục sử dụng. Đối chiếu biên bản kiểm tra điện thoại đi động của tất cả các đối tượng tham gia sử dụng ma túy tại phòng 4.01 lúc 04 giờ sáng ngày 20/12/2016 đều không thể hiện có số liên lạc nói trên. Đồng thời, xét lời khai của những đối tượng này mặc dù có vài tình tiết không thống nhất về việc ai đưa ma túy sử dụng lần thứ 2 sau khi bị cáo về phòng nhưng tất cả các đối tượng này đều xác nhận không biết hoặc không thấy đối tượng nào có liên quan đến số ma túy để trên đầu tủ lạnh đã bị thu giữ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng xác nhận sau khi về phòng trọ, S lấy ma túy trong người cho tất cả tiếp tục sử dụng, hoàn toàn không liên quan đến số ma túy thu giữ tại đầu tủ lạnh.

Tại phiên tòa, bị cáo khai điều tra viên và kiểm sát viên không đồng ý cho bị cáo thay đổi lời khai. Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng điều tra viên uy hiếp, có dấu hiệu ép cung vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự là không có căn cứ bởi lẽ quyền trình bày lời khai thuộc về bị cáo và bị cáo đã được điều tra viên giải thích về quyền và nghĩa vụ của mình ngay sau khi bị tạm giữ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Ngoài ra, bị cáo còn có quyền khiếu nại các hành vi tố tụng của điều tra viên tuy nhiên xuyên suốt quá trình điều tra, truy tố bị cáo đều không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời khai nại của bị cáo cũng như quan điểm bào chữa của luật sư về vấn đề này.

Ngoài ra, luật sư bào chữa còn cho rằng bị cáo không có lý do gì để bỏ ra số tiền lớn khoảng 20.000.000 đồng tổ chức sinh nhật cho Y, Hội đồng xét xử đánh giá như sau, theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì Nguyễn Thị Bảo Y sinh ngày 24/02/1995 do đó bị cáo khai khuya ngày 19/12/2016 Y tổ chức sinh nhật là không có cơ sở. Mặt khác, luật sư cho rằng bị cáo không thể mua số lượng lớn ma túy để tổ chức sinh nhật cho bạn cùng phòng là Bảo Yến thì càng không có lý do gì để Nguyễn Lê Hoàng S – Bạn trai của bị cáo mua ma túy cho Y sử dụng.

Do đó, việc bị cáo khai nại số ma túy thu giữ là của Nguyễn Lê Hoàng S là không có cơ sở chấp nhận. Xét cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là xét xử đúng người, đúng tội không oan, mức hình phạt đã có cân nhắc nên Tòa cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Kiến nghị cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tiếp tục điều tra làm rõ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các đối tượng

Nguyễn Thị Bảo Y và Nguyễn Lê Hoàng S để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thu L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị Thu L** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm m khoản 2, 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo: **Trần Thị Thu L** 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2016.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận 10; (1)
- Chi cục THA Quận 10; (1)
- TAND Quận 10; (2)
- Công an Quận 10; (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Trại tạm giam, Bị cáo; (2)
- Người tham gia tố tụng (4)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hà